

Số: /2023/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và
tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 182/TTr-STNMT ngày 27/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

2. Quyết định này thay thế:

Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số Điều tại bản Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Ninh Bình;

Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi một số nội dung của Quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định 26/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Ninh Bình;

Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Ninh Bình;

Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Ninh Bình sửa đổi một số nội dung của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Ninh Bình;

Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP3, 4, 5, 10.

Kh_Vp3_45QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.
2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất

1. Trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh chi phí đã đầu tư vào đất quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì người sử dụng đất có trách nhiệm kê khai lại các chi phí thực tế đã thực hiện. Trên cơ sở nội dung kê khai, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức, cá nhân khác có liên quan kiểm tra, xác minh các khoản chi phí quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ để xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại tại thời điểm thu hồi đất.

2. Đối với trường hợp đất nhận khoán để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai mà

không có hồ sơ, chứng từ chứng minh chi phí đã đầu tư vào đất, mức bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất bằng 30% giá đất bồi thường cho loại đất cùng mục đích sử dụng tại thời điểm thu hồi đất.

Điều 4. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

1. Diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ cụ thể như sau:

a) Diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi được xác định không đủ điều kiện để ở, gồm:

Thửa đất sau thu hồi chỉ còn đất ở mà không bảo đảm đủ diện tích và kích thước tối thiểu sau khi tách thửa đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định điều kiện tách thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Thửa đất sau thu hồi còn một phần diện tích đất ở và có cả đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở mà diện tích đất ở còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu sau khi tách thửa đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định điều kiện tách thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Trường hợp sau thu hồi, trong thửa đất còn một phần đất ở và có cả đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở mà đất ở còn lại theo hồ sơ, giấy tờ hợp pháp không bảo đảm đủ diện tích hoặc kích thước tối thiểu sau tách thửa đất ở nhưng thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt lớn hơn diện tích tối thiểu sau khi tách thửa đất ở thì không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất không đủ điều kiện để ở sau thu hồi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng cho hộ liền kề (để thực hiện hợp thửa đất); trường hợp hộ gia đình, cá nhân có văn bản đề nghị thu hồi số diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở thì thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ phần diện tích sau thu hồi không đủ điều kiện để ở.

2. Trường hợp trong hộ gia đình thuộc quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở bị thu hồi thì được giao cho mỗi cặp vợ chồng hoặc mỗi hộ gia đình (không bao gồm hộ gia đình là chủ hộ có đất ở bị thu hồi) 01 (một) suất đất ở tái định cư, cụ thể:

a) Tại các phường thuộc thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp: 80 m²;

b) Tại các xã, thị trấn thuộc thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp và các huyện còn lại: 100 m².

3. Diện tích đất ở tái định cư bố trí cho hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn bộ diện tích thửa đất ở hoặc một phần diện tích thửa đất ở mà phần còn

lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ được bố trí 01 (một) suất đất ở tái định cư có diện tích bằng hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất.

4. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện để bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định như sau:

a) Tùy theo điều kiện thực tế của địa phương mà hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao 01 (một) suất đất ở theo hạn mức quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm giao đất hoặc được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở có diện tích sử dụng của căn hộ theo thiết kế xây dựng;

b) Giá đất ở tính tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại điểm a khoản 4 Điều này được Nhà nước giao đất ở phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 là giá đất cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quy định tại thời điểm giao đất;

c) Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân tại điểm a khoản 4 Điều này được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở là giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại thời điểm được bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở.

Điều 5. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân

1. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu được bồi thường bằng đất thì tùy vào điều kiện thực tế, quỹ đất tại địa phương mà bố trí diện tích phù hợp với quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Diện tích đất được bồi thường không vượt quá diện tích đất đã thu hồi, thời hạn được miễn tiền thuê đất bằng thời hạn thuê đất còn lại của đất đã thu hồi;

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu sử dụng đất hoặc không có đất để bồi thường bằng đất thì được bồi thường bằng tiền, giá trị bồi thường tính bằng (=) đơn giá thuê đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại thời điểm thu hồi đất nhân (x) với diện tích đất bị thu hồi tính cho thời gian thuê đất còn lại của đất đã thu hồi.

Đơn giá thuê đất sản xuất kinh doanh là giá đất cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quy định tại thời điểm bồi thường.

2. Giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất, giá bán nhà ở tái định cư khi Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có nguồn gốc do lấn, chiếm khi Nhà nước thu hồi đất mà không có chỗ ở nào khác tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định như sau:

a) Tùy theo điều kiện thực tế của địa phương mà hộ gia đình, cá nhân sẽ được Nhà nước giao 01 (một) suất đất ở theo quy hoạch chi tiết và dự án tái định cư được duyệt nhưng không vượt quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm giao đất hoặc được Nhà nước bán nhà ở tái định cư;

b) Giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Quy định này;

c) Giá bán nhà ở tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân tại điểm a khoản 2 Điều này phải trả được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất chưa đến kỳ thu hoạch

1. Đối với vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất sử dụng hợp pháp mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến kỳ thu hoạch quy định tại điểm b khoản 2 Điều 90 Luật Đất đai thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm theo mức giá của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm thu hồi đất.

2. Đối với vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất sử dụng hợp pháp mà tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch nhưng có thể di chuyển được thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập phương án di chuyển sau khi xác định với chủ sở hữu tài sản về địa điểm di chuyển đến cho phù hợp thực tế. Chi phí thiệt hại do di chuyển được tính bằng 10% mức chi phí di chuyển.

Tổng mức bồi thường các chi phí di chuyển và chi phí thiệt hại do di chuyển gây ra tối đa bằng mức bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản và bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt trong trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản là tài sản không thuộc tài sản đã được Nhà nước bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật Đất đai thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản như sau:

a) Được bồi thường chi phí thuê nhân công lao động tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản theo định mức quy định của Nhà nước về thuê nhân công lao động tại thời điểm tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản;

b) Được bồi thường chi phí thuê phương tiện vận chuyển tài sản đến địa điểm mới theo quy định của Nhà nước về cước phí vận tải hàng hóa tại thời điểm vận chuyển tài sản;

c) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với cơ quan nhà nước có chức năng quản lý, với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tài sản phải di chuyển thực hiện những nội dung công việc sau: Khảo sát, xác định số lượng tài sản phải di chuyển, số lượng và loại tài sản phải tháo dỡ mới di chuyển được, số lượng và loại tài sản phải lắp đặt sau di chuyển; Khảo sát, xác định loại đường và độ dài quãng đường di chuyển tài sản đến nơi mới; Khảo sát, xác định loại phương tiện vận chuyển phù hợp với loại đường và tài sản phải di chuyển.

d) Chi phí bồi thường đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tài sản phải di chuyển theo chi phí thực tế nhưng không quá 10.000.000 đồng/tổ chức/hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp di chuyển trong phạm vi tỉnh và không quá 15.000.000 đồng/tổ chức/hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp di chuyển ngoài phạm vi tỉnh Ninh Bình.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất không thuộc tài sản đã được Nhà nước bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thì ngoài được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này còn được bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt bằng 10% mức chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ khi Nhà nước thu hồi đất mà bị tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì ngoài việc được bồi thường bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại còn được cộng thêm một khoản tiền là 30% theo giá trị hiện có của nhà, công trình nhưng mức bồi thường tối đa không quá 100% giá trị xây mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại theo tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành quy định.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ khi Nhà nước thu hồi đất mà bị tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thống nhất với cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư dự án và Sở chuyên ngành để xác định cấp tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp để bồi thường. Mức bồi thường bằng giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại cộng thêm một khoản tiền là 30% theo giá trị hiện có của nhà, công trình nhưng mức bồi thường tối đa không quá 100%

giá trị xây mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại theo tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành quy định.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất

1. Bồi thường thiệt hại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định như sau:

a) Đất ở, các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở của một chủ sử dụng trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp đến 220 kV bị hạn chế khả năng sử dụng đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường một lần do hạn chế khả năng sử dụng đất với mức bằng 70% mức bồi thường đối với trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất. Người được bồi thường không được bố trí tái định cư.

Trường hợp người sử dụng thửa đất nằm dưới hành lang bảo vệ an toàn tự tìm được đất ở mới và có nguyện vọng di chuyển khỏi hành lang bảo vệ an toàn mới mà tự thực hiện việc di chuyển thì được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định đối với trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất và còn được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

b) Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì chủ sử dụng đất được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc hỗ trợ được thực hiện một lần, bằng 30% mức bồi thường thu hồi đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, tính trên diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không;

c) Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân xây dựng trên đất hợp pháp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được bồi thường một lần do hạn chế khả năng sử dụng đất và ảnh hưởng trong sinh hoạt như sau:

Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn được xây dựng trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được bồi thường đối với diện tích trong hành lang an toàn với mức 70% mức bồi thường giá trị của nhà, công trình tương đương;

Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt bị phá dỡ một phần mà phần còn lại vẫn tồn tại, sử dụng được và đáp ứng các điều kiện quy định thì được bồi thường phần giá trị bị phá dỡ và chi phí cải tạo hoàn thiện lại công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà ở, công trình trước khi bị phá dỡ.

d) Đối với tài sản là cây có trước khi thông báo thực hiện dự án công trình trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất trong hành lang bảo vệ an toàn do hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường một lần với mức bồi thường như sau:

Trường hợp cây phải chặt bỏ thì được bồi thường theo quy định hiện hành.

Trường hợp cây không phải chặt bỏ thì được bồi thường với mức 70% mức bồi thường cây bị chặt bỏ.

đ) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ quy định tại điểm a, b, c, d Điều này chi trả từ nguồn vốn đầu tư của chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp.

2. Đối với nhà ở, công trình khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy mức độ ảnh hưởng và tính chất đặc thù của công trình, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định mức bồi thường cụ thể để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê lại hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép nhưng được bồi thường 100% chi phí thực tế đã thực hiện tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà, công trình đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước đang thuê theo đơn giá xây dựng mới tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

Điều 11. Bồi thường về di chuyển mồ mã

1. Mức bồi thường đối với mộ đất cho tất cả các công đoạn, thủ tục để di chuyển mộ vào nghĩa trang mới:

a) Mộ chưa được cải táng: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/01 mộ;

b) Mộ đã được cải táng là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 mộ.

c) Đối với các mộ vô chủ: bồi thường theo chi phí thực tế do cấp có thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định nhưng không vượt quá quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

2. Mức bồi thường đối với mộ xây cho tất cả các công đoạn, thủ tục để di chuyển mộ vào nghĩa trang mới được bồi thường theo mức quy định cho việc di chuyển mộ chưa được cải táng, mộ đã được cải táng quy định tại khoản 1 Điều này và còn được bồi thường phần xây dựng mộ, ốp lát mộ bằng giá xây dựng mộ thực tế.

3. Trường hợp địa phương có quy định đóng góp kinh phí xây dựng, quản lý nghĩa trang, hố mộ xây sẵn (nếu có) thì ngoài mức bồi thường di chuyển mồ mã quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hỗ trợ chi phí thực tế cho trường hợp di chuyển mộ về nghĩa trang.

4. Giao UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm rà soát, lập dự án xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang (nếu có) để thực hiện việc di chuyển mồ mã theo quy định.

Điều 12. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất

1. Trường hợp các đối tượng đồng quyền sử dụng đất được hưởng tiền bồi thường về đất tự thỏa thuận được với nhau thì lập hợp đồng ủy quyền cho một người đại diện nhận tiền bồi thường. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chi trả tiền bồi thường cho người đại diện được ủy quyền của đồng quyền sử dụng đất.

2. Trường hợp các đối tượng đồng quyền sử dụng đất được hưởng tiền bồi thường về đất không tự thỏa thuận được với nhau thì giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết thì số tiền bồi thường về đất được Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi vào tài khoản Kho bạc nhà nước và các đối tượng đồng quyền sử dụng đất vẫn phải bàn giao đất cho chủ đầu tư để thực hiện dự án. Sau khi có kết quả giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện theo kết quả giải quyết đó.

Điều 13. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ và chi trả hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước có thu hồi đất

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 và có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng;

Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ 12 tháng cho trường hợp không phải di chuyển chỗ ở và 24 tháng cho trường hợp phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển chỗ ở đến địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì hỗ trợ 36 tháng;

b) Diện tích đất thu hồi quy định tại điểm a khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền;

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu của hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính bằng tiền tương đương với 30 kg gạo/tháng theo giá trung bình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại thời điểm hỗ trợ.

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017

của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động nhưng thời gian trợ cấp không quá 06 tháng.

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập phương án hỗ trợ ổn định sản xuất (bao gồm các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ) và xin ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với từng trường hợp cụ thể trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

5. Các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này được chi trả bằng tiền ngay sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ bằng tiền là 03 (ba) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của hộ gia đình, cá nhân;

diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo Điều 129 của Luật Đất đai.

Điều 15. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở

1. Khi thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở mà địa phương có điều kiện về quỹ đất thì thực hiện bồi thường bằng quỹ đất có vị trí tương đương, có thể kết hợp với kinh doanh dịch vụ. Trường hợp này không phải thực hiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người bị thu hồi đất.

2. Trường hợp địa phương không còn quỹ đất đáp ứng được điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này thì hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người bị thu hồi đất với mức tương đương 30 kg gạo/khâu/tháng trong thời gian 12 tháng theo giá trị tại thời điểm thu hồi đất.

Điều 16. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho nhân khẩu trong hộ bị thu hồi không phải là cán bộ, công chức, viên chức

Hộ gia đình, cá nhân vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại Điều 13 và được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định Điều 14 của Quy định này.

Điều 17. Hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản cho người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở

Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản đến nơi ở mới theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

Điều 18. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ bằng mức giá đất cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.

Điều 19. Quy định suất tái định cư tối thiểu

1. Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở nhà ở

a) Tại các phường thuộc thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp là: 80 m²;

b) Tại các xã, thị trấn thuộc thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp và các huyện còn lại là: 100 m².

2. Suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở

a) Tại các phường thuộc thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp là: 80 m² sàn sử dụng;

b) Tại các xã, thị trấn thuộc thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp và các huyện còn lại là: 100 m² sàn sử dụng.

3. Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền

a) Tại các phường thuộc thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp: Giá trị một suất tái định cư tối thiểu = Giá giao đất tại vị trí tái định cư x 80 m²;

b) Tại các xã, thị trấn thuộc thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp và các huyện còn lại:

Giá trị một suất tái định cư tối thiểu = Giá giao đất tại vị trí tái định cư x 100 m².

Điều 20. Hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải di chuyển chỗ ở

Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc trường hợp được bố trí tái định cư nhưng tự lo chỗ ở quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được hỗ trợ tái định cư bằng suất đầu tư hạ tầng cho một hộ gia đình tại khu tái định cư.

Điều 21. Xử lý bồi thường, hỗ trợ một số trường hợp cụ thể

1. Người bị thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới mà không còn chỗ ở nào khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được bố trí nhà ở tạm hoặc được hỗ trợ tiền thuê nhà ở là 06 (sáu) tháng, với mức 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*)/01 tháng ở các xã khu vực nông thôn và 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/01 tháng ở khu vực các phường, thị trấn khu vực đô thị.

2. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về tài sản

a) Nhà, công trình xây dựng hợp pháp trên đất được giao, cho thuê có thời hạn, tại thời điểm thu hồi đất đã hết thời gian được giao đất, cho thuê đất mà không được cấp có thẩm quyền gia hạn thì được hỗ trợ tối đa không quá 80% mức bồi thường về nhà, công trình xây dựng theo quy định tại điểm c khoản này;

b) Nhà, công trình tự ý xây dựng trên đất không được cấp có thẩm quyền giao hoặc cho thuê; xây dựng không đúng với mục đích sử dụng đất, với giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật mà tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình, đã được cắm mốc hoặc đã xây dựng công trình trước thời gian cắm mốc được hỗ trợ tối đa không quá 80% mức bồi thường về nhà, công trình xây dựng theo quy định tại điểm c khoản này.

Trường hợp đã có văn bản đình chỉ xây dựng của cấp có thẩm quyền hoặc xây dựng sau thời điểm thông báo thu hồi đất thì khi Nhà nước thu hồi đất không được hỗ trợ; người có tài sản tự phá dỡ và chịu mọi chi phí phá dỡ.

c) Mức hỗ trợ nhà, công trình xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về tài sản do cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quyết định.

3. Đối với vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất sử dụng không hợp pháp mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường quy định tại Điều 6 Quy định này. Trường hợp nuôi trồng thủy sản sau khi đã có thông báo thu hồi đất thì không được hỗ trợ, người có tài sản phải tự tháo dỡ, di chuyển và chịu mọi chi phí.

4. Đối với cây cối, hoa màu trồng trên đất sử dụng không hợp pháp được hỗ trợ công chặt hạ, di chuyển, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định; trường hợp trồng cây cối, hoa màu sau khi có thông báo thu hồi đất thì không được hỗ trợ; người có tài sản tự phá dỡ và chịu mọi chi phí phá dỡ.

5. Hỗ trợ đất tự khai hoang cải tạo để sản xuất nông nghiệp bằng 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng)/01 m².

Điều 22. Hỗ trợ khác

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp đề xuất, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này và quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20 Quy định này, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và bảo đảm công bằng đối với người có đất bị thu hồi. Trường hợp đặc biệt phức tạp, trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Xử lý một số vấn đề phát sinh

Đối với những công trình, dự án đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014; Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2016; Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017; Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2018; Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2020; Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm

2021 của Ủy ban nhân dân Ninh Bình thì thực hiện theo Phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định này.

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quy định nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (qua Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Bình) để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.